TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do – Hạnh phúc**
Số:85/2019/QĐST- HNGĐ	*Yên Mô, ngày 27 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 04/11/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Phương T2 đủ tuổi thành niên.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Phương T2 được chung sống với chị T. Anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền anh H chậm trả thì anh Hunhg phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2 Về tài sản chung và công nợ: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn H đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Vũ Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng.

Tổng số tiền án phí chị T phải nộp là là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002180 ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKSND huyện Y*
- *CCTHADS huyện Y;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Y ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa